

Số: 399 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:
Kiểm toán năng lượng năm 2026**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ văn bản số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc Tạm giao/thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng công ty điện lực TKV;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-ĐN5 ngày 29/12/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-ĐN5 ngày 05/12/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc thành lập tổ tư vấn lựa chọn nhà cung cấp; Biên bản phân công công việc của tổ tư vấn lựa chọn nhà cung cấp ngày 23 /3/2026;

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-ĐN5 ngày 06/3/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành phương án kỹ thuật kiểm toán năng lượng năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định Ngày 23/3/2026 của Tổ thẩm định về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Kiểm toán năng lượng năm 2026;

Theo đề nghị của Tổ tư vấn tại Tờ trình ngày 23 tháng 3 năm 2026 v/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Kiểm toán năng lượng năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Kiểm toán năng lượng năm 2026 với nội dung như sau:

1. Giá trị dự toán: **194.400.400 đồng** (Bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn

triệu, bốn trăm ngàn đồng). Chi tiết như phụ lục 01 kèm theo.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

- Tên gói: Kiểm toán năng lượng năm 2026.
- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 6, Điều 8, Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.
- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Tháng 3/2026;
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng và Văn phòng công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điều 2: Giao cho Tổ tư vấn tổ chức thực hiện lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ đúng theo quy định hiện hành. Giao cho Phân xưởng Vận Hành – Sửa chữa, phòng Kỹ thuật An Toàn giám sát nghiệm thu công tác Kiểm toán năng lượng năm 2026.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐT-VT, Tr05.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG NĂM 2026
(Kèm theo quyết định số 399 /QĐ-ĐN5 ngày 24/3/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV)

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
I	Khảo sát sơ bộ, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng năng lượng tại đơn vị, thu thập số liệu và các bản vẽ, sơ đồ phục vụ kiểm toán năng lượng				6.000.000	
1.1	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ năng lượng và hiện trạng quản lý năng lượng của công ty (quy mô, cơ cấu tổ chức,...)	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
1.2	Khảo sát thực trạng hoạt động và lập danh sách các thiết bị tiêu thụ năng lượng (rà soát sách thiết bị tiêu thụ năng lượng, công suất, số giờ hoạt động của thiết bị, ...)	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
1.3	Thu thập dữ liệu tình hình cung cấp và tiêu thụ năng lượng (điện, dầu, gas,...) trong 3 năm 2023, 2024 và 2025	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
1.4	Khảo sát tình hình hoạt động của công ty: sản phẩm, sản lượng, nguyên vật liệu, trong 3 năm 2023, 2024 và 2025	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
II	Kiểm tra hiện trạng thiết bị toàn nhà máy, khu điều hành sản xuất, trụ sở Công ty				15.000.000	
2.1	Kiểm tra dây truyền sản xuất nhà máy gồm tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
2.2	Kiểm tra hệ thống tự dừng xoay chiều nhà máy	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
2.3	Kiểm tra hệ thống chiếu sáng trong nhà máy, ngoài trời, thân đập	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
2.4	Kiểm tra hệ thống các trạm bơm	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
2.5	Kiểm tra hệ thống quạt hút, quạt đẩy hệ thống thông gió nhà máy, thân đập	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
2.6	Kiểm tra hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
2.7	Kiểm tra hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp, hạ áp	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
2.8	Kiểm tra hệ thống thang máy trong nhà máy và thân đập	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
2.9	Kiểm tra hệ thống điều hòa không khí	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
2.10	Kiểm tra hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng khu vực văn phòng làm việc tại trụ sở Công ty tại TP Bảo Lộc	Gói	1	1.500.000	1.500.000	
III	Đo lường chi tiết các thông số liên quan đến năng lượng tại các khu vực,				38.500.000	

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	thiết bị sử dụng năng lượng chính					
3.1	Xây dựng phương án kỹ thuật và các bước đo kiểm, xác định các điểm đo chi tiết, biểu mẫu thu thập dữ liệu	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.2	Đo kiểm, thu thập số liệu hệ thống tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.3	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống tự dùng xoay chiều nhà máy	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.4	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống chiếu sáng	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.5	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống động cơ các trạm bơm	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.6	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống quạt hút, quạt đẩy, hệ thống thôn gió nhà máy, thân đập	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.7	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.8	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp và hạ áp	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.9	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống thang máy	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.10	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống điều hòa không khí	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
3.11	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng khu vực trụ sở văn phòng tại TP Bảo Lộc	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
IV	Phân tích, tính toán, đánh giá số liệu đo đạc				45.500.000	
4.1	Phân tích, đánh giá tỷ lệ tiêu thụ năng lượng và nhận diện các Hộ tiêu thụ năng lượng trọng điểm (SEUs) tại Nhà máy thông qua việc xây dựng Bảng xem xét năng lượng.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.2	Phân tích, tính toán Chỉ số kết quả hoạt động năng lượng (EnPI) phù hợp tại Nhà máy	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.3	Phân tích, tính toán xây dựng đường cơ sở năng lượng (EnB) phục vụ xây dựng kế hoạch tiêu thụ năng lượng trong các năm tới	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.4	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng về dây truyền sản xuất nhà máy gồm tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.5	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống tự dùng xoay chiều nhà máy.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.6	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống chiếu sáng trong nhà máy, ngoài trời, thân đập.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
4.7	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống các trạm bơm.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.8	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho quạt hút, quạt đẩy hệ thống thông gió nhà máy, thân đập.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.9	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.10	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp, hạ áp.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.11	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống thang máy nhà máy và thân đập.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.12	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống điều hòa không khí.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
4.13	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống thiết bị khu vực văn phòng và khu vực khác.	Gói	1	3.500.000	3.500.000	
V	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng				50.000.000	
5.1	Đề xuất, phân tích các giải pháp về quản lý giúp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.	Gói	1	10.000.000	10.000.000	
5.2	Đề xuất các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả động cơ, giảm ảnh hưởng tác động của sóng hài,...	Gói	1	10.000.000	10.000.000	
5.3	Phân tích về kỹ thuật cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất	Gói	1	10.000.000	10.000.000	
5.4	Tính toán và phân tích hiệu quả kinh tế cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất	Gói	1	10.000.000	10.000.000	
5.5	Xây dựng kế hoạch triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng.	Gói	1	10.000.000	10.000.000	
VI	Viết báo cáo kiểm toán năng lượng chi tiết theo Thông tư 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Gói	1	20.000.000	20.000.000	
VII	Văn phòng phẩm, in phô tô đóng quyển	Gói	1	5.000.000	5.000.000	
VIII	Tổng giá trị chưa bao gồm thuế GTGT				180.000.000	
IX	Thuế GTGT 8%				14.400.000	
X	Tổng giá trị đã bao gồm thuế GTGT				194.400.000	

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng).

PHỤ LỤC 02

NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

Kiểm toán năng lượng năm 2026

(kèm theo Quyết định số 399/QĐ-ĐN5 ngày 24 tháng 3 năm 2026)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	6
Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ	6
Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất	6
Mục 3. Các yêu cầu về thương mại	6
Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất	7
Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất	7
Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất.. Error! Bookmark not defined.	
Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất	Error! Bookmark not defined.
Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất	Error! Bookmark not defined.
Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất	7
Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp ...Error! Bookmark not defined.	
Mục 11. Hợp đồng	Error! Bookmark not defined.
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU	Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Kiểm toán năng lượng năm 2026;
 2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026;
 3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
 4. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định;
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng và Văn phòng công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, Lâm Đồng.
5. Phạm vi cung cấp dịch vụ: *Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.*

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có đơn đề xuất dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng.
 - Hạch toán tài chính độc lập;
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản sao có chứng thực);
 - Tài liệu chứng minh đủ điều kiện hoạt động kiểm toán năng lượng do cấp có thẩm quyền cấp như: Văn bản công bố tổ chức kiểm toán năng lượng; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động (Bản sao có chứng thực) Các văn bằng chứng chỉ còn hiệu lực;
 - Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Có ít nhất 01 hồ sơ hợp đồng tương tự: Hợp đồng về Kiểm toán năng lượng có giá trị tối thiểu 100.000.000 đồng; hợp đồng Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh lý hợp đồng; Hóa đơn tài chính theo quy định (bản sao có xác nhận của nhà cung cấp).

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.
2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời

cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.

3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.

4. Địa điểm thực hiện:

+ Trụ sở văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, Lâm Đồng.

+ Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, Thôn 2, Xã Bảo Lâm 5, Tỉnh Lâm Đồng.

5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước **16 giờ 00 phút ngày 26 tháng 3 năm 2026**, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn **16 giờ 00 phút ngày 26 tháng 3 năm 2026**. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, giá trị bảo lãnh, thời gian và hiệu lực của bảo lãnh sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên

mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05

Chương III - Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có đơn giá thấp hơn hoặc bằng đơn giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Tất cả các nội dung, tình huống chưa nêu cụ thể ở đây thì vận dụng theo Luật đấu thầu và các Nghị định, thông tư hiện hành có liên quan để đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ

Nhà cung cấp phải chào dịch vụ theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Tên gói: Kiểm toán năng lượng năm 2026;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng
I	Khảo sát sơ bộ, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng năng lượng tại đơn vị, thu thập số liệu và các bản vẽ, sơ đồ phục vụ kiểm toán năng lượng		
1.1	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ năng lượng và hiện trạng quản lý năng lượng của công ty (quy mô, cơ cấu tổ chức,...)	Gói	1
1.2	Khảo sát thực trạng hoạt động và lập danh sách các thiết bị tiêu thụ năng lượng (rà soát sách thiết bị tiêu thụ năng lượng, công suất, số giờ hoạt động của thiết bị, ...)	Gói	1
1.3	Thu thập dữ liệu tình hình cung cấp và tiêu thụ năng lượng (điện, dầu, gas,...) trong 3 năm 2023, 2024 và 2025	Gói	1
1.4	Khảo sát tình hình hoạt động của công ty: sản phẩm, sản lượng, nguyên vật liệu, trong 3 năm 2023, 2024 và 2025	Gói	1
II	Kiểm tra hiện trạng thiết bị toàn nhà máy, khu điều hành sản xuất, trụ sở Công ty		
2.1	Kiểm tra dây truyền sản xuất nhà máy gồm tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1
2.2	Kiểm tra hệ thống tự dừng xoay chiều nhà máy	Gói	1
2.3	Kiểm tra hệ thống chiếu sáng trong nhà máy, ngoài trời, thân đập	Gói	1
2.4	Kiểm tra hệ thống các trạm bơm	Gói	1
2.5	Kiểm tra hệ thống quạt hút, quạt đẩy hệ thống thông gió nhà máy, thân đập	Gói	1
2.6	Kiểm tra hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy	Gói	1
2.7	Kiểm tra hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp, hạ áp	Gói	1
2.8	Kiểm tra hệ thống thang máy trong nhà máy và thân đập	Gói	1
2.9	Kiểm tra hệ thống điều hòa không khí	Gói	1
2.10	Kiểm tra hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng khu vực văn phòng làm việc tại trụ sở Công ty tại TP Bảo Lộc	Gói	1
III	Đo lường chi tiết các thông số liên quan đến năng lượng tại các khu vực, thiết bị sử dụng năng lượng chính		
3.1	Xây dựng phương án kỹ thuật và các bước đo kiểm, xác định các điểm đo chi tiết, biểu mẫu thu thập dữ liệu	Gói	1
3.2	Đo kiểm, thu thập số liệu hệ thống tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1
3.3	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống tự dừng xoay chiều nhà máy	Gói	1
3.4	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống chiếu sáng	Gói	1
3.5	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống động cơ các trạm bơm	Gói	1
3.6	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống quạt hút, quạt đẩy, hệ thống thông gió nhà máy, thân đập	Gói	1
3.7	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy	Gói	1
3.8	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp và hạ áp	Gói	1
3.9	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống thang máy	Gói	1
3.10	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống điều hòa không khí	Gói	1

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng
3.11	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng khu vực trụ sở văn phòng tại TP Bảo Lộc	Gói	1
IV	Phân tích, tính toán, đánh giá số liệu đo đạc		
4.1	Phân tích, đánh giá tỷ lệ tiêu thụ năng lượng và nhận diện các Hộ tiêu thụ năng lượng trọng điểm (SEUs) tại Nhà máy thông qua việc xây dựng Bảng xem xét năng lượng.	Gói	1
4.2	Phân tích, tính toán Chỉ số kết quả hoạt động năng lượng (EnPI) phù hợp tại Nhà máy	Gói	1
4.3	Phân tích, tính toán xây dựng đường cơ sở năng lượng (EnB) phục vụ xây dựng kế hoạch tiêu thụ năng lượng trong các năm tới	Gói	1
4.4	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng về dây truyền sản xuất nhà máy gồm tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1
4.5	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống tự dùng xoay chiều nhà máy.	Gói	1
4.6	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống chiếu sáng trong nhà máy, ngoài trời, thân đập.	Gói	1
4.7	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống các trạm bơm.	Gói	1
4.8	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho quạt hút, quạt đẩy hệ thống thông gió nhà máy, thân đập.	Gói	1
4.9	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy.	Gói	1
4.10	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp, hạ áp.	Gói	1
4.11	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống thang máy nhà máy và thân đập.	Gói	1
4.12	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống điều hòa không khí.	Gói	1
4.13	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống thiết bị khu vực văn phòng và khu vực khác.	Gói	1
V	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng		
5.1	Đề xuất, phân tích các giải pháp về quản lý giúp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.	Gói	1
5.2	Đề xuất các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả động cơ, giảm ảnh hưởng tác động của sóng hài,...	Gói	1
5.3	Phân tích về kỹ thuật cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất	Gói	1
5.4	Tính toán và phân tích hiệu quả kinh tế cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất	Gói	1
5.5	Xây dựng kế hoạch triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng.	Gói	1
V	Viết báo cáo kiểm toán năng lượng chi tiết theo Thông tư 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Gói	1
VI	Văn phòng phẩm, in phô tô đóng quyển	Gói	1
VII	Tổng giá trị chưa bao gồm thuế GTGT		
VIII	Thuế GTGT 8%		
IX	Tổng giá trị đã bao gồm thuế GTGT		

Tiến độ thực hiện các công việc thực hiện dự kiến tháng 4/2026 (tiến độ có thể điều chỉnh phụ thuộc vào tình hình sản xuất của nhà máy).

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]

Tên gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....[Ghi tên Nhà cung cấp], cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ..... [Ghi tên gói dịch vụ] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là. [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là

[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
 2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV
- Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp].

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA DỊCH VỤ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên dịch vụ: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Khảo sát sơ bộ, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng năng lượng tại đơn vị, thu thập số liệu và các bản vẽ, sơ đồ phục vụ kiểm toán năng lượng					
1.1	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ năng lượng và hiện trạng quản lý năng lượng của công ty (quy mô, cơ cấu tổ chức,...)	Gói	1			
1.2	Khảo sát thực trạng hoạt động và lập danh sách các thiết bị tiêu thụ năng lượng (rà soát sách thiết bị tiêu thụ năng lượng, công suất, số giờ hoạt động của thiết bị, ...)	Gói	1			
1.3	Thu thập dữ liệu tình hình cung cấp và tiêu thụ năng lượng (điện, dầu, gas,...) trong 3 năm 2023, 2024 và 2025	Gói	1			
1.4	Khảo sát tình hình hoạt động của công ty: sản phẩm, sản lượng, nguyên vật liệu, trong 3 năm 2023, 2024 và 2025	Gói	1			
II	Kiểm tra hiện trạng thiết bị toàn nhà máy, khu điều hành sản xuất, trụ sở Công ty					
2.1	Kiểm tra dây truyền sản xuất nhà máy gồm tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1			
2.2	Kiểm tra hệ thống tự dừng xoay chiều nhà máy	Gói	1			
2.3	Kiểm tra hệ thống chiếu sáng trong nhà máy, ngoài trời, thân đập	Gói	1			
2.4	Kiểm tra hệ thống các trạm bơm	Gói	1			
2.5	Kiểm tra hệ thống quạt hút, quạt đẩy hệ thống thông gió nhà máy, thân đập	Gói	1			
2.6	Kiểm tra hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy	Gói	1			
2.7	Kiểm tra hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp, hạ áp	Gói	1			
2.8	Kiểm tra hệ thống thang máy trong nhà máy và thân đập	Gói	1			
2.9	Kiểm tra hệ thống điều hòa không khí	Gói	1			
2.10	Kiểm tra hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng khu vực văn phòng làm việc tại trụ sở Công ty tại TP Bảo Lộc	Gói	1			
III	Đo lường chi tiết các thông số liên quan đến năng lượng tại các khu vực, thiết bị sử dụng năng lượng chính					
3.1	Xây dựng phương án kỹ thuật và các bước đo kiểm, xác định các điểm đo chi tiết, biểu mẫu thu	Gói	1			

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	thập dữ liệu					
3.2	Đo kiểm, thu thập số liệu hệ thống tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1			
3.3	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống tự dừng xoay chiều nhà máy	Gói	1			
3.4	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống chiếu sáng	Gói	1			
3.5	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống động cơ các trạm bơm	Gói	1			
3.6	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống quạt hút, quạt đẩy, hệ thống thông gió nhà máy, thân đập	Gói	1			
3.7	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy	Gói	1			
3.8	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp và hạ áp	Gói	1			
3.9	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống thang máy	Gói	1			
3.10	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống điều hòa không khí	Gói	1			
3.11	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng khu vực trụ sở văn phòng tại TP Bảo Lộc	Gói	1			
IV	Phân tích, tính toán, đánh giá số liệu đo đạc					
4.1	Phân tích, đánh giá tỷ lệ tiêu thụ năng lượng và nhận diện các Hộ tiêu thụ năng lượng trọng điểm (SEUs) tại Nhà máy thông qua việc xây dựng Bảng xem xét năng lượng.	Gói	1			
4.2	Phân tích, tính toán Chỉ số kết quả hoạt động năng lượng (EnPI) phù hợp tại Nhà máy	Gói	1			
4.3	Phân tích, tính toán xây dựng đường cơ sở năng lượng (EnB) phục vụ xây dựng kế hoạch tiêu thụ năng lượng trong các năm tới	Gói	1			
4.4	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng về dây truyền sản xuất nhà máy gồm tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1			
4.5	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống tự dừng xoay chiều nhà máy.	Gói	1			
4.6	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống chiếu sáng trong nhà máy, ngoài trời, thân đập.	Gói	1			
4.7	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống các trạm bơm.	Gói	1			
4.8	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho quạt hút, quạt đẩy hệ thống thông gió nhà máy, thân đập.	Gói	1			
4.9	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy.	Gói	1			
4.10	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao	Gói	1			

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	áp, hạ áp.					
4.11	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống thang máy nhà máy và thân đập.	Gói	1			
4.12	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống điều hòa không khí.	Gói	1			
4.13	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống thiết bị khu vực văn phòng và khu vực khác.	Gói	1			
V	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng					
5.1	Đề xuất, phân tích các giải pháp về quản lý giúp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.	Gói	1			
5.2	Đề xuất các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả động cơ, giảm ảnh hưởng tác động của sóng hài,...	Gói	1			
5.3	Phân tích về kỹ thuật cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất	Gói	1			
5.4	Tính toán và phân tích hiệu quả kinh tế cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất	Gói	1			
5.5	Xây dựng kế hoạch triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng.	Gói	1			
V	Viết báo cáo kiểm toán năng lượng chi tiết theo Thông tư 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Gói	1			
VI	Văn phòng phẩm, in phô tô đóng quyển	Gói	1			
VII	Tổng giá trị chưa bao gồm thuế GTGT					
VIII	Thuế GTGT 8%					
IX	Tổng giá trị đã bao gồm thuế GTGT					

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03**CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI**

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm thực hiện:
2. Thời hạn giao nộp sản phẩm:
3. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:
4. Thanh toán:
5. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

Mẫu số 04**BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP**Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]*Tên gói: _____ *[Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]*

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
Số: /2026/HĐSXKD-ĐN5
Kiểm toán năng lượng năm 2026

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ.

Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 77/2025/QH15

Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, số 50/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 77/2025/QH15;

Thông tư số 25/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 29/09/2020 thay thế Thông tư số 09/2012/TT-BCT ngày 20/04/2012, quy định về thực hiện Kiểm toán năng lượng, có hiệu lực từ 13/11/2020;

Quyết định số 303/QĐ-ĐN5 ngày 06/3/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành phương án kỹ thuật kiểm toán năng lượng năm 2026;

Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /3/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn Nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ kiểm toán năng lượng năm 2026;

Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng đã được bên mời Nhà cung cấp và Nhà cung cấp ký ngày /3/2026;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /3/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ Kiểm toán năng lượng năm 2026;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng mỗi bên.

Hôm nay, ngày tháng 3 năm 2026. Tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV. Chúng tôi gồm:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên A: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

- Địa chỉ: Số 10, Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
- Điện thoại: 0633.976.888.
- Số tài khoản: 112000166536 tại NH Công thương Bảo Lộc, Lâm Đồng.
- Mã số thuế: 0104297034-007.
- Người đại diện: **Ông Trần Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc.

2. Bên B:

- Địa chỉ:

- Số tài khoản:
- Mã số thuế:
- Người đại diện:

Chức vụ:

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện gói cung cấp: Kiểm toán năng lượng năm 2026.

- Khảo sát sơ bộ, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng năng lượng tại đơn vị, thu thập số liệu và các bản vẽ, sơ đồ phục vụ kiểm toán năng lượng;

- Kiểm tra hiện trạng thiết bị toàn nhà máy, khu điều hành sản xuất, trụ sở Công ty;

- Đo lường chi tiết các thông số liên quan đến năng lượng tại các khu vực, thiết bị sử dụng năng lượng chính;

- Phân tích, tính toán, đánh giá số liệu đo đạc;

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng;

- Viết báo cáo kiểm toán năng lượng chi tiết theo Thông tư 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020.

- Hướng dẫn xây dựng mô hình quản lý năng lượng công ty.

- Nghiệm thu thực hiện.

- Khối lượng thực hiện kiểm toán: Chi tiết như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tiến độ thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;

Điều 3. Giá trị hợp đồng

3.1 Giá trị hợp đồng: **đồng** (*Bằng chữ:*). Giá trên đã bao gồm các khoản thuế, các chi phí khác liên quan. Chi tiết như phụ lục đính kèm.

3.2. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 4. Tạm ứng và thanh toán

4.1 Tạm ứng: Không

4.2 Thanh toán:

- Sau khi bên B hoàn thành công tác Kiểm toán năng lượng năm 2026, trên cơ sở biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đã được 2 bên xác nhận, bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ khi bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

4.3 Hồ sơ thanh toán

- + Giấy đề nghị thanh toán của bên B;
- + Bảng tổng hợp giá trị thanh toán;
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ;
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc và bàn giao báo cáo kiểm toán năng lượng;

- + Hợp đồng bản photo;

- + Kết quả đo;

- + Báo cáo kiểm toán năng lượng

- + Các chứng từ khác liên quan (nếu có).

4.4. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.5. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

4.6 Điều chỉnh thuế: Được phép điều chỉnh thuế trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế của Nhà nước có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) đồng thời Nhà cung cấp xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

Điều 5. Trách nhiệm của các bên

5.1. Trách nhiệm bên A

- Phối hợp và cung cấp các tài liệu, thông tin thống kê về thiết bị và tiêu thụ năng lượng trong 3 năm qua để Bên B hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ và đảm bảo Báo cáo Kiểm toán năng lượng được thực hiện đúng và đủ những mục nội dung bắt buộc quy định trong Thông tư 25/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương ban hành ngày 29/9/2020.

- Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt tại công trường để làm thủ tục giao, nhận thiết bị, giám sát chất lượng, khối lượng công việc kiểm định, giám sát và đôn đốc việc thực hiện trả phiếu công tác, đưa thiết bị vào vận hành lại đúng thời gian quy định, công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Chủ trì giải quyết các vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, nghiệm thu khối lượng hoàn thành làm cơ sở thanh toán cho Bên B.

- Thực hiện thanh toán cho bên B theo điều 4 của hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm bên B

- Nhận bàn giao và quản lý mặt bằng thi công sau khi được bàn giao.

- Bên B phải đảm bảo sự kết hợp giữa các bên liên quan để đảm bảo thi công đúng kỹ thuật và đúng tiến độ.

- Máy móc thiết bị phục vụ công tác thi công các loại vật tư, máy móc Bên B sử dụng phải đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn hiện hành.

- Có biện pháp khắc phục kịp thời khi sự cố xảy ra trong quá trình thi công mà do lỗi của Bên B. Bên B phải khắc phục và chịu hoàn toàn chi phí khắc phục hậu quả do sự cố đó gây ra.

- Tự bảo quản, quản lý các trang thiết bị, máy móc, vật tư mang đến thi công. Khi ra vào nhà máy và trụ sở Bên A phải báo để bảo vệ an ninh được biết.

- Cung cấp đầy đủ danh sách và chứng minh thư nhân dân photo của các công nhân kỹ thuật thi công cho Bên A kiểm soát.

- Chấp hành các quy định về trật tự an ninh, khai báo tạm trú theo quy định của cơ quan sở tại.

- Bên B có nghĩa vụ trang bị dụng cụ bảo hộ lao động và chi trả phí bảo hiểm tai nạn lao động cho công nhân làm việc theo quy định của pháp luật. Công nhân khi thi công yêu cầu phải thực hiện nghiêm túc về trang bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, dây, ủng....).

- Tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Bồi thường thiệt hại cho Bên A và Bên thứ ba có liên quan do vi phạm của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trong mọi trường hợp Bên B phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường, khắc phục cho tất cả vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng của Bên B. Trường

hợp Bên B từ chối bồi thường hoặc khắc phục vi phạm không đạt yêu cầu thì Bên A có quyền tự làm hoặc thuê bên thứ ba thực hiện công việc đó chi phí này do Bên B chi trả.

- Giữ bí mật thông tin và toàn bộ tài liệu liên quan đến hợp đồng theo quy định của pháp luật có liên quan đến bảo mật thông tin.

- Thông báo kịp thời cho Bên A về những thông tin tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng có thể làm chậm trễ, cản trở đến công việc....

- Cung cấp nhân sự đạt những điều kiện về Năng lực theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Bên B phải cam kết giải quyết triệt để mọi rủi ro pháp lý và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên A.

- Bên B cam kết tiến hành công việc theo đúng khối lượng và tiến độ trong hợp đồng, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành

- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, thiết bị, phương tiện để sẵn sàng đáp ứng thực hiện khối lượng công việc của hợp đồng đảm bảo tiến độ, chất lượng.

- Tổ chức triển khai thực hiện các công việc ghi tại điều 1 của hợp đồng;

- Giao đầy đủ cho Bên A các giải pháp, tính toán và các kết quả do ứng dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng;

- Tuyệt đối chấp hành các quy định làm việc trong khu vực do Bên A quản lý, đảm bảo an toàn trong thời gian thực hiện công việc, chịu hoàn toàn trách nhiệm và xử lý giải quyết các trường hợp để xảy ra mất an toàn trong phạm vi thực hiện công việc;

Điều 6. Phạt vi phạm Hợp đồng

- Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không có lý do chính đáng và không được bên kia chấp thuận bằng văn bản, thì bên vi phạm sẽ bị phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng đã thực hiện tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng.

Đối với Bên B: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 1 ngày kể từ ngày hết thời gian thực hiện hợp đồng thì phạt 2 % giá trị phần hợp đồng vi phạm nhưng tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm.

Điều 7. Điều khoản chung

- Mọi bổ sung hoặc sửa đổi các điều khoản trong hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi được làm bằng văn bản và được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký.

- Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này sẽ được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trực tiếp giữa các bên trên tinh thần bình đẳng, hợp tác và đảm bảo quyền lợi chính của các bên.

- Những tranh chấp không tự giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 8. Hiệu lực của hợp đồng

8.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

8.2. Hợp đồng hết lực sau khi hai bên đã thực hiện tất cả các nghĩa vụ của mình như trong Hợp đồng, nếu không phát sinh tranh chấp hợp đồng xem như đã được thanh lý.

8.3. Các nội dung khác không nêu trong Hợp đồng này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng này được làm thành 06 bản tiếng Việt Nam có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01: KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG
V/V KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG NĂM 2026

(Kèm theo hợp đồng số: /2026/HĐSXKD – ĐN5 ngày /3/2026)

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
I	Khảo sát sơ bộ, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng năng lượng tại đơn vị, thu thập số liệu và các bản vẽ, sơ đồ phục vụ kiểm toán năng lượng					
1.1	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ năng lượng và hiện trạng quản lý năng lượng của công ty (quy mô, cơ cấu tổ chức,...)	Gói	1			
1.2	Khảo sát thực trạng hoạt động và lập danh sách các thiết bị tiêu thụ năng lượng (rà soát sách thiết bị tiêu thụ năng lượng, công suất, số giờ hoạt động của thiết bị, ...)	Gói	1			
1.3	Thu thập dữ liệu tình hình cung cấp và tiêu thụ năng lượng (điện, dầu, gas,...) trong 3 năm 2023, 2024 và 2025	Gói	1			
1.4	Khảo sát tình hình hoạt động của công ty: sản phẩm, sản lượng, nguyên vật liệu, trong 3 năm 2023, 2024 và 2025	Gói	1			
II	Kiểm tra hiện trạng thiết bị toàn nhà máy, khu điều hành sản xuất, trụ sở Công ty					
2.1	Kiểm tra dây truyền sản xuất nhà máy gồm tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1			
2.2	Kiểm tra hệ thống tự dừng xoay chiều nhà máy	Gói	1			
2.3	Kiểm tra hệ thống chiếu sáng trong nhà máy, ngoài trời, thân đập	Gói	1			
2.4	Kiểm tra hệ thống các trạm bơm	Gói	1			
2.5	Kiểm tra hệ thống quạt hút, quạt đẩy hệ thống thông gió nhà máy, thân đập	Gói	1			
2.6	Kiểm tra hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy	Gói	1			
2.7	Kiểm tra hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp, hạ áp	Gói	1			
2.8	Kiểm tra hệ thống thang máy trong nhà máy và thân đập	Gói	1			
2.9	Kiểm tra hệ thống điều hòa không khí	Gói	1			
2.10	Kiểm tra hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng khu vực văn phòng làm việc tại trụ sở Công ty tại TP Bảo Lộc	Gói	1			

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
III	Đo lường chi tiết các thông số liên quan đến năng lượng tại các khu vực, thiết bị sử dụng năng lượng chính					
3.1	Xây dựng phương án kỹ thuật và các bước đo kiểm, xác định các điểm đo chi tiết, biểu mẫu thu thập dữ liệu	Gói	1			
3.2	Đo kiểm, thu thập số liệu hệ thống tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1			
3.3	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống tự dùng xoay chiều nhà máy	Gói	1			
3.4	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống chiếu sáng	Gói	1			
3.5	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống động cơ các trạm bơm	Gói	1			
3.6	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống quạt hút, quạt đẩy, hệ thống thôn gió nhà máy, thân đập	Gói	1			
3.7	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy	Gói	1			
3.8	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp và hạ áp	Gói	1			
3.9	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống thang máy	Gói	1			
3.10	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống điều hòa không khí	Gói	1			
3.11	Đo kiểm, thu thập dữ liệu hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng khu vực trụ sở văn phòng tại TP Bảo Lộc	Gói	1			
IV	Phân tích, tính toán, đánh giá số liệu đo đạc					
4.1	Phân tích, đánh giá tỷ lệ tiêu thụ năng lượng và nhận diện các Hộ tiêu thụ năng lượng trọng điểm (SEUs) tại Nhà máy thông qua việc xây dựng Bảng xem xét năng lượng.	Gói	1			
4.2	Phân tích, tính toán Chỉ số kết quả hoạt động năng lượng (EnPI) phù hợp tại Nhà máy	Gói	1			
4.3	Phân tích, tính toán xây dựng đường cơ sở năng lượng (EnB) phục vụ xây dựng kế hoạch tiêu thụ năng lượng trong các năm tới	Gói	1			
4.4	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng về dây truyền sản xuất nhà máy gồm tua bin, máy phát, máy biến áp chính,...	Gói	1			
4.5	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống tự dùng xoay chiều nhà máy.	Gói	1			
4.6	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống chiếu	Gói	1			

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	sáng trong nhà máy, ngoài trời, thân đập.					
4.7	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống các trạm bơm.	Gói	1			
4.8	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho quạt hút, quạt đẩy hệ thống thông gió nhà máy, thân đập.	Gói	1			
4.9	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống động cơ điện của các hệ thống thiết bị trong nhà máy.	Gói	1			
4.10	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống cung cấp và sử dụng khí nén cao áp, hạ áp.	Gói	1			
4.11	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống thang máy nhà máy và thân đập.	Gói	1			
4.12	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống điều hòa không khí.	Gói	1			
4.13	Phân tích đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng cho hệ thống thiết bị khu vực văn phòng và khu vực khác.	Gói	1			
V	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng					
5.1	Đề xuất, phân tích các giải pháp về quản lý giúp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.	Gói	1			
5.2	Đề xuất các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả động cơ, giảm ảnh hưởng tác động của sóng hài,...	Gói	1			
5.3	Phân tích về kỹ thuật cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất	Gói	1			
5.4	Tính toán và phân tích hiệu quả kinh tế cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất	Gói	1			
5.5	Xây dựng kế hoạch triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng.	Gói	1			
VI	Viết báo cáo kiểm toán năng lượng chi tiết theo Thông tư 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Gói	1			
VII	Văn phòng phẩm, in phô tô đóng quyển	Gói	1			
VIII	Tổng giá trị chưa bao gồm thuế GTGT					
IX	Thuế GTGT 10%					
X	Tổng giá trị đã bao gồm thuế GTGT					

(Bảng chữ:).